

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN AN THI
TỈNH HƯNG YÊN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2022/HS-ST

Ngày 31/5/2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN THI, TỈNH HƯNG YÊN**

Th phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa : Ông Hoàng Lương Hồng

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Trần Quang Chữ

2/ Ông: Nguyễn Văn Thuận

Thư ký phiên tòa : Bà Hoàng Thị Ái - Thư ký TAND huyện Ân Thi

Đại diện VKSND huyện tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hảo – Kiểm sát viên

Ngày 31 tháng 5 năm 2022 tại trụ sở UBND xã Bắc Sơn, TAND huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 11/2022/TLST-HS ngày 22/4/2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2022/QĐXXST-HS ngày 16/5/2022 đối với các bị cáo:

1. **Nguyễn Văn C**; sinh năm: 1987; giới tính: Nam; Nơi sinh, nơi cư trú: thôn NNT, xã PH, huyện KC, tỉnh Hưng Yên; Quốc tịch: Việt Nam. Dân tộc: Kinh. Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; con ông: Nguyễn Văn C sinh năm 1961 và con bà: Nguyễn Thị Th (đã chết); Vợ: Vương Thị Hoa sinh năm 1992; có hai con, con lớn sinh năm 2010, con nhỏ sinh năm 2012.

Tiền án: Ngày 11/7/2018, bị Tòa án nhân dân quận Ba Đình, Th phố Hà Nội xử phạt 40 tháng tù về tội Cướp giật tài sản theo điểm d khoản 2 Điều 171 Bộ luật Hình sự. Chấp hành xong hình phạt tù ngày 29/4/2020.

Tiền sự: Không

Nhân thân: Ngày 02/4/2010, bị Công an huyện Khoái Châu xử phạt vi phạm hành chính về hành vi xâm hại sức khỏe của người khác.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 13/9/2021, chuyển tạm giam từ ngày 16/9/2021. Hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Ân Thi.

Có mặt tại phiên tòa.

2. **Nguyễn Trọng V**, sinh năm: 1989, giới tính: Nam; Nơi sinh, nơi cư trú: thôn QT, xã ND, huyện KC, tỉnh Hưng Yên; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Con ông: Nguyễn Trọng D, sinh năm 1959 và con bà Nguyễn Thị Ng, sinh năm 1962. Vợ, con: Chưa có.

Tiền án: Ngày 25/2/2016, bị Tòa án nhân dân Cấp cao tại Hà Nội xử phạt 06 năm tù về tội Mua bán trái phép chất ma túy. Chấp hành xong hình phạt tù ngày 17/9/2019.

Tiền sự: Không

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 13/9/2021, chuyển tạm giam từ ngày 16/9/2021. Hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Ân Thi.

- Bị hại: Anh Phạm Anh T, sinh năm 1996 (vắng mặt)

STQ: ĐK, ĐL, ÁT, Hưng Yên

- Người có QLVN liên quan:

1. Chị Nguyễn Thị Thu Ph, sinh năm 1997 (vắng mặt)

Trú tại: ĐK, ĐL, ÁT, Hưng Yên

2. Anh Vũ Văn T, sinh năm 1993 (vắng mặt)

Trú tại: Quang Trung, Nhuế Dương, Khoái Châu, Hưng Yên

3. Anh Nguyễn Bật Vĩ, sinh năm 1987 (vắng mặt)

Trú tại: Quang Trung, Nhuế Dương, Khoái Châu, Hưng Yên

4. Anh Trần Văn Định, sinh năm 1996 (vắng mặt)

Trú tại: Số 175 Dục Thượng, xã Tiên Dục, Sóc Sơn, Hà Nội

- Người làm chứng: Chị Nguyễn Thị Tuyết, sinh năm 1992 (vắng mặt)

Trú tại: Quang Trung, Nhuế Dương, Khoái Châu, Hưng Yên

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 16 giờ 30 phút ngày 05/9/2021, Nguyễn Văn C điều khiển xe mô tô đeo biển số 89E1- 186.13 chở sau là Nguyễn Trọng V đi theo hướng từ huyện Khoái Châu đi Th phố Hưng Yên đến đoạn đường nối cao tốc Hà Nội- Hải Phòng với cao tốc Cầu Giẽ- Ninh Bình thuộc khu vực thôn Bình Hồ, xã Quảng Lăng, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên thì thấy anh Phạm Anh T sinh năm 1996 ở thôn Đới Khê, xã Đặng Lễ, huyện Ân Thi điều khiển xe mô tô biển số 89B1-179.21 đi sang đường qua phía trước xe của C. V bảo C quay xe lại để đánh anh T và tháo khẩu trang đang đeo để che biển số xe lại. Sau đó, C điều khiển xe đuổi theo ép xe anh T vào lề đường, V nói với anh T: “mày dừng lại tao bảo”. Khi anh T dừng xe thì V xuống xe chửi bới, đe dọa về việc cho rằng anh T đã điều khiển xe đi “láo”, tạt đầu xe của V, C đồng thời V dùng tay phải tát mạnh vào mặt anh T. Do bất ngờ bị đe dọa, bị đánh nên anh T sợ hãi, vẫn để chìa khóa xe ở ổ khóa điện, xuống khỏi xe, lùi lại phía sau và không dám phản ứng hay chống cự gì. Trong khi đó, C ngồi lên xe của anh T nổ máy phóng xe đi, Anh T chạy đến bám vào đuôi xe giữ

lại, hô cướp nhưng không được và bị ngã ra đường. Còn V cũng ngồi lên điều khiển xe mô tô biển số 89E1-186.13 đi theo về nhà C bàn nhau tìm chỗ cầm cố xe để lấy tiền. C tháo biển số xe 89B1-179.21 cho vào cốp xe và cùng V điều khiển xe đến nhà NguyễnBAT Vĩ, sinh năm 1987 ở thôn QT, xã ND, huyện KC là bạn của V, nói là xe của C hiện vợ cầm giấy tờ xe, hỏi Vĩ có nhận cầm xe không nhưng Vĩ không nhận. Sau đó, C và Vĩ thống nhất Vĩ cho C, V vay 3.500.000 đồng và để lại nhà Vĩ chiếc xe mô tô để làm tin. C chia cho V 1.000.000 đồng, còn lại 2.500.000 đồng C giữ. Đến ngày 08/9/2021, Vĩ gọi V đến lấy chiếc xe mô tô biển số 89B1-179.21. Sau khi lấy lại chiếc xe, V kiểm tra trong cốp xe thì thấy có giấy đăng ký của xe. V đã mang chiếc xe đến cửa hàng sửa chữa xe máy của anh Trần Văn Định sinh năm 1996 ở số 175 thôn Dục Thượng, xã Tiên Dục, huyện Sóc Sơn, Th phố Hà Nội nói là xe của vợ V và bán chiếc xe kèm theo giấy đăng ký của xe cho anh Định được 9.000.000 đồng. V đã chuyển trả anh Vĩ số tiền 3.500.000 đồng.

Kết luận định giá tài sản số 07 ngày 09/9/2021 của Hội đồng định giá tài sản huyện Ân Thi kết luận: 01 xe mô tô màu xanh - đen - bạc nhãn hiệu Honda Wave biển số 89B1-179.21 mua mới và sử dụng từ tháng 3/2015 đến nay (đã qua sử dụng) có giá trị là: 9.000.000 đồng.

Quá trình điều tra, Nguyễn Văn C và Nguyễn Trọng V đã Th khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên.

Tại bản cáo trạng số: 10/CT-VKS-AT ngày 21/4/2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Ân Thi đã truy tố Nguyễn Văn C về tội “Cướp tài sản” theo điểm h khoản 2 Điều 168 của Bộ luật hình sự và Nguyễn Trọng V về tội “Cướp tài sản” theo khoản 1 Điều 168 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ân Thi vẫn giữ Ng quyết định truy tố và đề nghị HĐXX:

Tuyên bố: Nguyễn Văn C, Nguyễn Trọng V phạm tội “Cướp tài sản”.

Áp dụng: Khoản 1 Điều 168, điểm h khoản 1 điều 52; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điều 38; điều 17; điều 58 Bộ luật hình sự đối với bị cáo V.

Xử phạt: Nguyễn Trọng V từ 05 năm đến 05 năm 06 tháng tù, thời gian tính từ ngày tạm giữ ngày 13/9/2021.

Áp dụng: Điểm h khoản 2 Điều 168, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điều 17; Điều 38, Điều 58 Bộ luật hình sự đối với bị cáo C.

Xử phạt: Nguyễn Văn C từ 08 năm đến 08 năm 06 tháng tù, thời gian tính từ ngày tạm giữ, tạm giam ngày 13/9/2021.

Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng điều 117, 123, 126, 357, 407 BLDS

Buộc bị cáo Nguyễn Trọng V phải trả số tiền 9.000.000 đồng khi mua chiếc xe mô tô biển số 89B1-179.21 cho anh Trần Văn Định, sinh năm 1996; địa chỉ: số 175 thôn Dục Thượng, xã Tiên Dục, huyện Sóc Sơn, TP Hà Nội.

Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận của các bị cáo về việc bị cáo C trả bị cáo V số tiền 2.500.000 đồng.

Về vật chứng: Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 106 BLTTHS

Tịch thu tiêu hủy 01 chiếc áo khoác màu đen dài tay có kẻ sọc trắng ở vai, trên ngực áo có thêu chữ adidas màu trắng.

Về án phí: Áp dụng Điều 136 BLTTHS; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự theo quy định của pháp luật, bị cáo V, C phải chịu án phí dân sự theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Văn C, Nguyễn Trọng V không tranh luận, nhất trí với nội dung bản luận tội của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ân Thi; các bị cáo đề nghị HĐXX cho các bị cáo được hưởng mức án thấp nhất để bị cáo sớm trở về gia đình và hòa nhập cộng đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

1/ *Về tố tụng*: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra - Công an huyện Ân Thi và điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện Ân Thi, và kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

2/ *Về nội dung vụ án*: Tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo Nguyễn Văn C, Nguyễn Trọng V đã Th khản khai nhận về toàn bộ hành vi phạm tội của mình, lời khai của các bị cáo tại phiên tòa hoàn toàn phù hợp với lời khai của các bị cáo tại Cơ quan điều tra; lời khai bị hại, lời khai của người có QLVN liên quan, người làm chứng; biên bản khám nghiệm hiện trường, sơ đồ, bản ảnh hiện trường, Kết luận định giá tài sản cùng các vật chứng mà cơ quan Cảnh sát điều tra đã thu giữ. Như vậy có đủ cơ sở khẳng định: Khoảng 16 giờ 30 phút ngày 05/9/2021, tại đoạn đường nổi cao tốc Hà Nội- Hải Phòng với cao tốc Cầu Giẽ- Ninh Bình thuộc địa phận thôn Bình Hồ, xã Quảng Lăng, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên; Nguyễn Trọng V và Nguyễn Văn C đã có hành vi điều khiển xe mô tô ép chiếc xe mô tô biển số 89B1-179.21 do anh Phạm Anh T điều khiển đang tham gia giao thông trên đường dừng lại vào lề đường rồi đánh anh T và chiếm đoạt chiếc xe mô tô biển số 89B1-179.21 trị giá 9.000.000 đồng, bị cáo C đã bị kết án về tội

rất nghiêm trọng chưa được xóa án tích theo khoản 2 điều 53 BLHS ở lần phạm tội này bị cáo tái phạm nguy hiểm quy định tại điểm h khoản 2 điều 168 BLHS, còn bị cáo V đã phạm tội được quy định tại khoản 1 điều 168 BLHS như cáo trạng VKSND huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên truy tố các bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng pháp luật.

Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ. Các bị cáo có đầy đủ năng lực TNHS để biết rằng đó là tài sản của người khác nhưng vì muốn kiếm tiền một cách dễ dàng mà không muốn mất nhiều công sức nên các bị cáo đã chiếm đoạt tài sản của người khác để biến Th tài sản của mình. Hành vi của các bị cáo là coi thường pháp luật, gây mất trật tự xã hội ở địa Ph, gây tâm lý lo lắng, hoang mang trong quần chúng nhân dân. Do đó hành vi phạm tội của các bị cáo C phải được đưa ra truy tố và xét xử nghiêm minh kịp thời nhằm giáo dục các bị cáo trở Th công dân có ích cho xã hội, đồng thời có tác dụng răn đe những người khác phải có ý thức chấp hành pháp luật.

3/Về vai trò, nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ TNHS và hướng xử lý đối với các bị cáo: Trong vụ án này, Nguyễn Văn C cùng Nguyễn Trọng V đều là người tích cực thực hiện hành vi phạm tội.

Bị cáo C không phải chịu tình tiết tăng nặng TNHS. Còn bị cáo V có 01 tiền án (Ngày 25/2/2016, bị Tòa án nhân dân Cấp cao tại Hà Nội xử phạt 06 năm tù về tội Mua bán trái phép chất ma túy. Chấp hành xong hình phạt tù ngày 17/9/2019), chưa được xóa án tích nay lại tiếp tục phạm tội, nên phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự tái phạm quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo Th khẩn thừa nhận hành vi phạm tội của mình và các bị cáo tỏ ra ăn năn hối hận nên các bị cáo được hưởng 01 tình tiết giảm nhẹ TNHS quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS. Bị cáo V năm 2008 được Lữ đoàn 28 Quân chủng Phòng không – không quân tặng danh hiệu chiến sỹ tiêu biểu, bị cáo C ngày 13/9/2021, Nguyễn Văn C đến Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Ân Thi đầu thú về hành vi phạm tội của mình nên các bị cáo được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Các bị cáo có nhân thân xấu, có tiền án chưa được xóa án tích nay lại phạm tội mới điều đó chứng tỏ hình phạt áp dụng đối với các bị cáo chưa đủ sức răn đe, hơn nữa hành vi phạm tội của các bị cáo gây bất bình, ảnh hưởng trật tự xã hội. Vì vậy, Hội đồng xét xử nhận thấy C bắt các bị cáo cách ly khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định mới có tác dụng, cải tạo giáo dục các bị cáo trở Th công dân có ích cho gia đình và xã hội.

4/ Về hình phạt bổ sung: Các bị cáo không có công việc, không có tài sản riêng. Vì vậy HĐXX xét thấy không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo

5/ Về vật chứng: Đối với chiếc xe mô tô biển số 89B1-179.21, quá trình điều tra xác định là xe của chị Nguyễn Thị Thu Ph sinh năm 1997- vợ của anh T. Cơ quan cảnh

sát điều tra Công an huyện Ân Thi trao trả chiếc xe cùng đăng ký của xe cho anh T (được chị Ph ủy quyền) đã nhận lại và không có yêu cầu gì.

Đối với chiếc xe mô tô đeo biển số 89E1- 186.13 có số khung RLHJA 3904HY 441861, số máy SA 39E- 0417008 quá trình điều tra xác định là xe V mượn của anh Vũ Văn T sinh năm 1993 ở thôn Quang Trung, xã Nhé Dương, huyện Khoái Châu để đi lại. Anh Vũ Văn T trình bày đã mua chiếc xe đó của một người không biết tên, địa chỉ tại khu vực huyện Kim Động nhưng không có giấy tờ xe. Qua tra cứu xác định: chiếc biển số 89E1- 186.13 là của xe mô tô có số khung: JC525DY015044, số máy: JC52E- 6048547, chủ xe đứng tên đăng ký là chị Đặng Thị Hương sinh năm 1974 ở thôn QT, xã ND, huyện KC; năm 2015 chị Hương đã bán chiếc xe cho một người đàn ông không biết tên, địa chỉ. Còn chiếc xe mô tô số khung: RLHJA 3904HY441861, số máy: JA39E-0417008 có biển số 89B1-641.95, chủ xe đứng tên đăng ký là chị Đào Thị Luyến sinh năm 1984 ở xã Vĩnh Xá, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên; chị Luyến trình bày bị trộm cắp chiếc xe vào khoảng tháng 5/2021 tại xã Nghĩa Dân, huyện Kim Động. Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Ân Thi đã có công văn trao đổi với Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Kim Động để phối hợp xác minh tuy nhiên đến nay vẫn chưa nhận được kết quả. Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Ân Thi đã tách chiếc xe mô tô số khung RLHJA 3904HY441861, số máy: JA39E-0417008 đeo biển số 89E1- 186.13 để tiếp tục phối hợp xử lý theo quy định của pháp luật.

Đối với 01 chiếc áo khoác màu đen dài tay có kẻ sọc trắng ở vai, trên ngực áo có thêu chữ adidas màu trắng đã thu giữ là áo của C mặc khi thực hiện hành vi phạm tội, xét thấy không còn giá trị nên tịch thu cho tiêu hủy.

6/Về trách nhiệm dân sự: Chị Ph đã nhận lại tài sản bị chiếm đoạt, chị Ph và anh Phạm Anh T đều không có yêu cầu gì đối với các bị cáo.

Ngày 08/9/2021, V đến lấy chiếc xe mô tô biển số 89B1-179.21, sau đó bị cáo V mang đến cửa hàng sửa chữa xe máy của anh Định, nói là xe của vợ và bán cho anh Định chiếc xe trên với giá 9.000.000 đồng, anh Định yêu cầu bị cáo V phải trả lại số tiền 9.000.000 đồng này là chính đáng nên HĐXX buộc bị cáo V phải trả số tiền này. Do bị cáo C không biết bị cáo V mang chiếc xe mô tô cướp được mang bán cho anh Định, bị cáo V không chia tiền bán chiếc xe mô tô cho bị cáo C nên bị cáo C không có trách nhiệm liên đới bồi thường cho anh Định.

Đối với số tiền 3.500.000 đồng mà anh Vĩ cho các bị cáo vay, sau khi nhận được số tiền vay bị cáo V cầm 1.000.000 đồng, bị cáo C cầm 2.500.000 đồng, sau khi V bán chiếc xe mô tô được 9.000.000 đồng đã trả anh Vĩ 3.500.000 đồng, nay bị cáo V yêu cầu C phải có trách nhiệm trả bị cáo số tiền 2.500.000 đồng, xét thấy giao dịch vay tiền giữa các bị cáo với anh Vĩ không liên quan đến vụ án, tuy nhiên tại phiên tòa bị cáo C đồng ý trả bị cáo V số tiền 2.500.000 đồng và đề nghị HĐXX ghi nhận sự thỏa thuận của các bị cáo.

6/ Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Bị cáo V, C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 168, điểm h khoản 1 điều 52; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 38; điều 17; Điều 58 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Nguyễn Trọng V.

Điểm h khoản 2 Điều 168, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 38; điều 17; Điều 58 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Nguyễn Văn C.

1. Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Trọng V, Nguyễn Văn C phạm tội Cướp tài sản

2. Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Trọng V 05 (năm) năm 03 (ba) tháng tù, thời gian tính từ ngày 13/9/2021.

Bị cáo Nguyễn Văn C 08 (tám) năm 03 (ba) tháng tù, thời gian tính từ ngày 13/9/2021.

3. Hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

4. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng điều 117, 123, 131 BLDS

Buộc bị cáo Nguyễn Trọng V phải trả lại số tiền 9.000.000 đồng cho anh Trần Văn Định, sinh năm 1996; địa chỉ: số 175 thôn Dược Thượng, xã Tiên Dược, huyện Sóc Sơn, TP Hà Nội mà anh Định đã bỏ tiền mua chiếc xe mô tô biển số 89B1-179.21

Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận của các bị cáo về việc bị cáo C trả bị cáo V số tiền 2.500.000 đồng.

Áp dụng khoản 2 Điều 357 BLDS

Kể từ khi có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án bên phải thi hành án chậm thi hành khoản tiền phải trả thì ngoài số tiền phải trả còn phải chịu tiền lãi trên số tiền chậm thi hành theo khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian và số tiền chậm thi hành án.

5. Về vật chứng: Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 106 BLTTHS

Tịch thu tiêu hủy 01 chiếc áo khoác màu đen dài tay có kẻ sọc trắng ở vai, trên ngực áo có thêu chữ adidas màu trắng.

Có đặc điểm như quyết định chuyển vật chứng kèm theo biên bản giao nhận tài liệu, vật chứng ngày 29/4/2022

6. Về án phí: Áp dụng khoản 2 điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Các bị cáo, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí sơ thẩm hình sự.

Bị cáo V phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 450.000 đồng, bị cáo C phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự.

7. Về quyền kháng cáo: Các Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị hại, người có QLVN liên quan có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Ân Thi;
- VKSND tỉnh Hưng Yên;
- Công an huyện; cơ quan CSĐT Công an huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- Trại tạm giam nơi giam giữ bị cáo;
- Bị cáo; người có QLVN liên quan, bị hại
- Lưu Hs

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Lương Hồng

